

Số: 3540 /QĐ-UBND

Huế, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa trong lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND thành phố về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước thành phố Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương;

- Bãi bỏ Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 3540 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	TTHC NỘI BỘ CẤP THÀNH PHỐ		
1.	Ban hành Kế hoạch phát triển chợ	Quản lý chợ	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
2.	Ban hành Nội quy mẫu về chợ	Quản lý chợ	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
3.	Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp thành phố	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
4.	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
5.	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
6.	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
7.	Quyết định việc thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý.	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
8.	Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

		lý	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
9.	Quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
10.	Quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
11.	Thủ tục xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia	Công nghiệp địa phương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Bộ Công Thương); Sở Công Thương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng
12.	Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công	Công nghiệp địa phương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Bộ Công Thương); Sở Công Thương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng
13.	Tổ chức thực hiện đề án khuyến công quốc gia	Công nghiệp địa phương	Sở Công Thương, Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công
14.	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến Bộ Công Thương trước khi cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Thương mại, quản lý ngoại thương	Sở Công Thương các tỉnh, thành phố
15.	Lấy ý kiến về dự thảo Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm phê duyệt của Bộ Công Thương.	An toàn đập và Môi trường	Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan
16.	Lấy ý kiến về dự thảo Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm phê duyệt của Bộ Công Thương.	An toàn đập và Môi trường	Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan
17.	Cấp tài khoản, phân quyền tài	An toàn đập và	Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan

	khoản sử dụng CSDL môi trường ngành Công Thương	Môi trường	
18.	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân” (NNND), “Nghệ nhân Ưu tú” (NNUT) trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	Thi đua khen thưởng	Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
19.	Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan
20.	Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP THÀNH PHỐ

1. Kế hoạch phát triển chợ

1.1. Trình tự thực hiện:

+ UBND cấp huyện báo cáo Kế hoạch phát triển hạ tầng thương mại theo giai đoạn, gửi về Sở Công Thương.

+ Sở Công Thương căn cứ Kế hoạch phát triển KT-XH thành phố, Kế hoạch phát triển hạ tầng thương mại của UBND cấp huyện, các quy hoạch, kế hoạch, văn bản khác có liên quan và nhu cầu phát triển chợ của thành phố, tham mưu, lập dự thảo Kế hoạch phát triển chợ, nội dung Kế hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP của Chính phủ; lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan về Kế hoạch phát triển chợ trên địa bàn thành phố; tổng hợp ý kiến góp ý, tham mưu trình UBND thành phố dự thảo Kế hoạch phát triển chợ trên địa bàn thành phố (năm... /giai đoạn...).

+ UBND thành phố xem xét, ban hành Kế hoạch phát triển chợ trên địa bàn thành phố Thừa Thiên Huế (năm... /giai đoạn...)

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Hệ thống xác thực tập trung (SSO)*); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định

(Ghi chú: Căn cứ vào trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ có thể gồm:

- Văn bản trình;
- Dự thảo kèm theo;
- Các văn bản liên quan;)

b) Số bộ hồ sơ: Không quy định

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

(Ghi chú: theo kế hoạch hoặc theo văn bản yêu cầu/ chỉ đạo của UBND thành phố; nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...)

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch phát triển chợ địa bàn thành phố (năm... /giai đoạn...).

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện: Nội dung Kế hoạch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP; quy hoạch thành phố; kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của thành phố, nhu cầu của các địa phương và các văn bản có liên quan.

1.11. Căn cứ pháp lý:

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

2. Ban hành Nội quy chợ mẫu

2.1. Trình tự thực hiện

+ Sở Công Thương căn cứ Quy định tại Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP xây dựng dự thảo Nội quy chợ mẫu, xin ý kiến các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và tổng hợp, trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt.

+ UBND thành phố xem xét, ban hành Nội quy chợ mẫu trên địa bàn thành phố.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) *Thành phần hồ sơ:* Không quy định

(Ghi chú: Căn cứ vào trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ có thể gồm:

- Văn bản trình;
- Dự thảo Quyết định kèm theo;
- Các văn bản liên quan;)

b) *Số bộ hồ sơ:* Không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

(Ghi chú: theo kế hoạch hoặc theo văn bản yêu cầu/ chỉ đạo của UBND thành phố; nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...)

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định ban hành nội quy chợ mẫu.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện: Nội quy chợ đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

2.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

3. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp thành phố

3.1. Trình tự thực hiện

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng chợ (*được đầu tư xây dựng mới hoặc tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*), dự thảo văn bản trình UBND thành phố xem xét, quyết định giao tài sản

- UBND thành phố xem xét, phê duyệt Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định

(Ghi chú: Căn cứ vào trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ có thể gồm:

- Văn bản trình;
- Dự thảo Quyết định kèm theo;
- Các văn bản liên quan;)

b) Số bộ hồ sơ: Không quy định

3.4. Thời hạn giải quyết: 60 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...))

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

3.10. Yêu cầu, điều kiện: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được bàn giao phải do nhà nước đầu tư, quản lý.

3.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

4. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý

4.1. Trình tự thực hiện

- Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04A Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP và có văn bản gửi Sở Công Thương (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ).

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi Sở Công Thương.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

- UBND thành phố xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định

(Ghi chú: Căn cứ vào trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ có thể gồm:

- Văn bản trình;
- Dự thảo Quyết định kèm theo;
- Các văn bản liên quan;)

b) Số bộ hồ sơ: Không quy định

4.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...)

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

4.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04A Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có (không gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý

- Đề án đảm bảo tính pháp lý, đáp ứng đầy đủ nội dung theo Mẫu số 04A Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ

4.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ, THÀNH PHỐ....
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Số: /.....-PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng.... năm....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê

a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);

b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản).

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản;

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ

5.1. Trình tự thực hiện

- Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04B Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP và có văn bản gửi Sở Công Thương (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ).

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Công Thương.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt

- UBND thành phố xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định

(Ghi chú: Căn cứ vào trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ có thể gồm:

- Văn bản trình;

- Dự thảo Quyết định kèm theo;

- Các văn bản liên quan;)

b) Số bộ hồ sơ: Không quy định

5.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...))

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

5.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04B Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ chỉ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.

- Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ nhưng tối đa không quá 50 năm.

- Đề án đảm bảo tính pháp lý, đáp ứng đầy đủ nội dung theo Mẫu số 04B Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

5.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ, THÀNH PHỐ....
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
Số: /.....-PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng.... năm....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ
(*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản*)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;

a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);

b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản);

c) Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản.

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liên trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

- Dự kiến sơ bộ về nhu cầu sử dụng trên địa bàn trong thời gian tới.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền: khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

6. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)

6.1. Trình tự thực hiện

- Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04B Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP và có văn bản gửi Sở Công Thương *(trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ)*.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Công Thương.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND thành phố xem xét, lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan, trên cơ sở đó báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về chủ trương trước khi phê duyệt Đề án theo thẩm quyền.

- UBND thành phố xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định

(Ghi chú: Căn cứ vào trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ có thể gồm:

- Văn bản trình;
- Dự thảo Quyết định kèm theo;
- Các văn bản liên quan;)

b) Số bộ hồ sơ: Không quy định

6.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...))

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

6.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04B Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

6.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ chỉ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.

- Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ nhưng tối đa không quá 50 năm.

- Đề án đảm bảo tính pháp lý, đáp ứng đầy đủ nội dung theo Mẫu số 04B Phụ lục I Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

6.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ, THÀNH PHỐ....
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
Số: /.....-PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng.... năm....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ
(*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản*)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;

a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);

b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản);

c) Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản.

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

- Dự kiến sơ bộ về nhu cầu sử dụng trên địa bàn trong thời gian tới.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền: khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

7. Quyết định việc thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý

7.1. Trình tự thực hiện

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định thu hồi.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, UBND thành phố xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình về việc thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ: 01 bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

- Hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản (văn bản đề nghị thu hồi tài sản, danh mục tài sản đề nghị thu hồi, hồ sơ khác có liên quan): 01 bản sao.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...)

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

7.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

7.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- Khi có sự thay đổi về quy hoạch làm thay đổi nhiệm vụ của tài sản;
- Khi có sự thay đổi về phân cấp quản lý;
- Tài sản được giao không đúng đối tượng theo quy định tại Nghị định này;
- Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc có sai phạm nghiêm trọng trong quản lý theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

8. Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ

8.1. Trình tự thực hiện

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP (khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý; Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) lập hồ sơ đề nghị điều chuyển gửi Sở Công Thương

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý mà thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản thuộc UBND cấp thành phố theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP thì cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản đề nghị kèm theo bản sao hồ sơ quy định gửi Sở Công Thương

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, UBND thành phố xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình về việc điều chuyển tài sản: 01 bản chính.
- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.
- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị liên quan: 01 bản sao.
- Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, đơn vị có tài sản (gồm: Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản; Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản; Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển; Hồ sơ có liên quan khác): 01 bản sao.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...))

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

8.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

8.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

- Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý;
- Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

9. Quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý

9.1. Trình tự thực hiện

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi Sở Công Thương

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, UBND thành phố xem xét, quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có Văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình về việc thanh lý tài sản: 01 bản chính.
- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.
- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

- Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan, đơn vị có tài sản (gồm: Văn bản đề nghị thanh lý tài sản; Danh mục tài sản đề nghị thanh lý, hồ sơ có liên quan khác): 01 bản sao.

b) *Số bộ hồ sơ*: 01 bộ

9.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...)

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

9.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp

9.8. Phí, lệ phí: Không quy định

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

9.10. Yêu cầu, điều kiện: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thanh lý trong các trường hợp sau:

- Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả (không thể phục hồi theo công năng của tài sản);

- Phá dỡ tài sản cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản không sử dụng được theo công năng của tài sản. Trừ trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định 60/2024/NĐ-CP thì không áp dụng hình thức thanh lý theo thủ tục này;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

9.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

10. Quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp thành phố quản lý

10.1. Trình tự thực hiện

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP) lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi Sở Công Thương

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, UBND thành phố xem xét, quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình về việc xử lý tài sản: 01 bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

- Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản của cơ quan, đơn vị có tài sản (gồm: Văn bản đề nghị xử lý tài sản; Danh mục tài sản đề nghị xử lý; Hồ sơ có liên quan khác): 01 bản sao.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

10.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày

(Ghi chú: nộp hồ sơ trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định)...)

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; cơ quan, đơn vị có liên quan.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

10.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

10.8. Phí, lệ phí: Không quy định

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

10.10. Yêu cầu, điều kiện: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác mà công trình đó không còn hoặc bị hư hỏng mà không có khả năng phục hồi theo công năng sử dụng của tài sản.

10.11. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ

11. Thủ tục xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia

11.1. Trình tự thực hiện:

- Các đơn vị gửi Công văn đề nghị kèm danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia về Sở Công Thương; Sở Công Thương tổng hợp, lựa chọn và gửi đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia.

- Căn cứ danh mục đề án, nhiệm vụ được Sở Công Thương đăng ký; các đơn vị lập hồ sơ đề án hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (*đối với đề án điểm*) gửi về Sở Công Thương; Sở Công Thương tổ chức thẩm định cấp cơ sở.

** Ghi chú: Bên cạnh thẩm định cấp cơ sở các đề án, nhiệm vụ do Sở Công Thương đăng ký danh mục; Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở đối với các đề án của đơn vị khác thực hiện trên địa bàn thành phố Huế.*

11.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Hệ thống xác thực tập trung SSO*); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề án gồm:

- Đề án được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị thụ hưởng (*đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng*).

- Một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

b) Số bộ hồ sơ: 2 bộ hồ sơ.

11.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

Ghi chú: Tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư 17/2018/TT-BCT quy định:

- Sở Công Thương tổng hợp, lựa chọn và gửi báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia về Cục Công Thương địa phương trước ngày 20 tháng 6 hàng năm;

- Các địa phương, đơn vị và Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng gửi 01 bộ hồ sơ đề án đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (*đối với đề án điểm*) về Cục Công Thương địa phương trước ngày 30 tháng 9 hàng năm (trường hợp khác theo hướng dẫn của Cục Công Thương địa phương) để thẩm định cấp Bộ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương, đơn vị liên quan.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

11.7. Kết quả thực hiện TTHC:

- Kết quả thẩm định cấp cơ sở đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia.

11.8. Phí, lệ phí: Không quy định

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 16 Phụ lục 1 Thông tư 17/2018/TT-BCT.

11.10. Yêu cầu, điều kiện: Đảm bảo phù hợp với các quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư 17/2018/TT-BCT.

11.11. Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

- Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

BẢN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM....

(Áp dụng đối với nội dung hoạt động khuyến công thuộc các năm tiếp theo năm đầu kỳ kế hoạch của đề án điểm)

Kính gửi:

- Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương thành phố Huế.

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

- Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

- Căn cứ (tên đề án) đã được Bộ Công Thương phê duyệt kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện năm....;

- Căn cứ tình hình triển khai (tên đề án) năm..... và kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn;

(Tên đơn vị thực hiện)đăng ký các nội dung hoạt động khuyến công thực hiện trong năm..., thuộc đề án điểm ...(Tên đề án điểm), như sau:

I. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ**1. Tên nội dung hoạt động 1:****1.1. Đơn vị thụ hưởng 1****a) Các thông tin cơ bản**

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn.....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:....; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:....., Fax:

- Số lao động động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm ... là...lao động. Tổng doanh thu của năm là... đồng; Tổng nguồn vốn là...đồng theo Báo cáo tài chính năm....⁽¹⁾.

Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là đúng đối tượng theo quy định.

b) Riêng đối với nội dung ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến hoặc xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Tóm tắt những đặc điểm vượt trội của công nghệ, sản phẩm, máy móc,... cần hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2012/TT-BCT và Thông tư số 20/2017/TT-BCT.

c) Nội dung, tiến độ, địa điểm triển khai

- Nội dung và tiến độ: (Nêu cụ thể nội dung, chỉ tiêu, tiến độ thực hiện).

- Địa điểm triển khai

d) Tổng kinh phí: triệu đồng. Trong đó, Kinh phí KCQG: triệu đồng; Kinh phí của cơ sở CNNT:.... triệu đồng,

Cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước.

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2: *(chi tiết như mục 1.1)*

2. Tên nội dung hoạt động 2: *(tương tự như mục 1)*

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện đề án KCQG điểm thực hiện năm ... *(Tên đề án)* của Trung tâm khuyến công... Đề nghị Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở, Cục Công Thương địa phương, tổng hợp thẩm định cấp Bộ và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt./.

TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG

(ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾. Chỉ ghi đối với cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.

12. Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công

12.1. Trình tự thực hiện:

- Đối với các đề án nhóm và đề án điểm do Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở, sau khi được giao kế hoạch, đơn vị rà soát và lập kế hoạch trình Sở Công Thương phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định, xem xét phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện.

12.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Hệ thống xác thực tập trung SSO*); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*: Không quy định.

b) *Số bộ hồ sơ*: Không quy định.

12.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công.

12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

12.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện.

12.8. Phí, lệ phí: Không quy định

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 11 Phụ lục 1 của Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

- Mẫu số 15 Thông tư 17/2018/TT-BCT.

12.10. Yêu cầu, điều kiện: Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư 17/2018/TT-BCT.

12.11. Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

- Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

* *Ghi chú:* Hiện nay Sở Công Thương không có đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công. Sở Công Thương đã có văn bản gửi Cục Công Thương địa phương phản ánh về những khó khăn và đề nghị hướng dẫn thực hiện; tuy nhiên, Sở chưa nhận được văn bản hướng dẫn của Cục.

Mẫu số 11

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN...
TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../KH-...

....., ngày..... tháng...năm 20...

KẾ HOẠCH

V/v.....

Căn cứ Thông tư liên tịch số...../2013/TTLT/BTC-BCT ngày tháng năm 2013 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư số/2013/TT-BCT ngày...tháng...năm...của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao kế hoạch khuyến công quốc gia năm 20...;

Căn cứ Hợp đồng số.../HĐ-CNĐP ngày...tháng...năm 20... ký giữa Cục Công nghiệp địa phương với... về việc thực hiện đề án khuyến công quốc gia năm 20...;

Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại các cơ sở,

I. MỤC TIÊU**II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ****1. Tên nội dung hoạt động 1 ⁽¹⁾****1.1. Đơn vị thụ hưởng 1****a) Các thông tin cơ bản**

- Tên cơ sở công nghiệp:....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp..... Ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....;

- Địa chỉ trụ sở chính:.....; Điện thoại....., Fax:

- Tổng tài sản..... tỷ đồng theo bảng cân đối kế toán ngày...tháng...năm....; hoặc tổng số lao động bình quân năm 20...:.... lao động⁽²⁾. (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) làđúng đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định 45/2012/NĐ-CP và Điều 1 Thông tư 46/2012/TT-BCT .

b) Nội dung và tiến độ

- Nội dung và tiến độ: (nêu cụ thể các nội dung, chỉ tiêu và tiến độ thực hiện) ⁽³⁾.

- Địa điểm triển khai

- Tổng kinh phí: triệu đồng. Trong đó, Kinh phí khuyến công quốc gia: triệu đồng; Kinh phí doanh nghiệp:.... triệu đồng,

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2 (tương tự như mục 1.1)

2. Tên nội dung hoạt động 2 (nếu có): *(Nội dung như mục 1 của mẫu này)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch..... của Trung tâm/đơn vị.... kính đề nghị Sở Công Thương thẩm định và xác nhận, gửi Cục Công nghiệp địa phương để theo dõi, tạm ứng kinh phí cho Trung tâm/đơn vị triển khai thực hiện./.

**SỞ CÔNG THƯƠNG/
ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN**

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

-
- (1). Ghi rõ nội dung hoạt động nêu trong đề án gồm nhiều nội dung. Ví dụ: đề án đào tạo nghề gồm nhiều nhóm nghề đào tạo khác nhau: như Đào tạo nghề may công nghiệp; đào tạo nghề sửa chữa cơ khí,..
- (2). Chỉ ghi đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn là các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp. Đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.
- (3). Nội dung và tiến độ phải nêu rõ các nội dung, chỉ tiêu giao: Ví dụ: đối với đào tạo nghề nêu rõ số lao động hỗ trợ đào tạo nghề, số lớp, thời gian đào tạo gồm: số tháng và số ngày/tháng. Tiến độ thực hiện.

Tên đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH*(Áp dụng đối với đề án điểm, đề án nhóm)***Tên đề án:.....****Đơn vị thực hiện:.....**

- Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

- Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

- Căn cứ Hồ sơ đề án đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm ... của...;

- Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm ...của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia năm 2018;

- Căn cứ Hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia đã ký số:/HĐ-CTĐP, ngày...../...../..... giữa Cục Công Thương địa phương và

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn (cơ sở CNNT);

Trung tâm khuyến công xây dựng kế hoạch triển khai đề án KCQG điểm/đề án nhóm thực hiện năm ... như sau:

I. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ**1. Tên nội dung hoạt động**

.....

1.1. Đơn vị thụ hưởng 1

a) Các thông tin cơ bản

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... ; ngành nghề kinh doanh (có liên quan): ...; ngày cấp: ...; nơi cấp....

- Địa điểm đăng ký kinh doanh.....; Địa điểm thực hiện:

- Số lao động động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm ... là...lao động. Tổng doanh thu của năm là... đồng; Tổng nguồn vốn là...đồng theo Báo cáo tài chính năm..⁽¹⁾.

Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là đúng đối tượng theo quy định.

b) Nội dung, tiến độ, địa điểm triển khai

- Nội dung và tiến độ: (Nêu cụ thể nội dung, chỉ tiêu, tiến độ thực hiện).

- Địa điểm triển khai

c) Tổng kinh phí:... triệu đồng. Trong đó, Kinh phí KCQG:..... triệu đồng; Kinh phí của cơ sở CNNT:... triệu đồng,

Cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước.

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2: (chi tiết như mục 1.1)

2. Tên nội dung hoạt động 2: (tương tự như mục 1)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện đề án KCQG điểm thực hiện năm ... (Tên đề án) của Trung tâm khuyến công... Đề nghị Cục Công Thương địa phương theo dõi, tạm ứng kinh phí cho Trung tâm/đơn vị triển khai thực hiện./.

**Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA
SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ghi rõ ý kiến thẩm định;
ký tên, đóng dấu)

TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG
(ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾. Chỉ ghi đối với cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn không phải ghi phần này.

13. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công quốc gia

13.1. Trình tự thực hiện:

- Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công (*đối với các đề án do Sở Công Thương đăng ký kế hoạch hoặc đề án do đơn vị khác thực hiện trên địa bàn thành phố Huế*), đơn vị có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án.

- Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định và xem xét có văn bản xác nhận hoặc đề nghị. Riêng đối với các đề án nhóm do Sở Công Thương thẩm định, đăng ký (*trừ đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp*), khi điều chỉnh thay đổi địa điểm, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định và xem xét điều chỉnh kế hoạch thực hiện.

13.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Hệ thống xác thực tập trung SSO*); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*: Không quy định.

b) *Số bộ hồ sơ*: Không quy định.

13.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương, đơn vị có liên quan.

13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

13.7. Kết quả thực hiện TTHC:

- Văn bản xác nhận hoặc đề nghị của Sở Công Thương về việc điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án.

- Văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch của Sở Công Thương.

13.8. Phí, lệ phí: Không quy định

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

13.10. Yêu cầu, điều kiện: Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư 17/2018/TT-BCT.

13.11. Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

- Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

14. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến Bộ Công Thương trước khi cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

14.1. Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện.

14.2. Cách thức thực hiện: *Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.*

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

14.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo Mẫu MĐ-1, Mẫu MĐ-3, Mẫu MĐ-4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

b) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

c) Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

d) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

đ) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

e) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:

+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Ghi chú: Tài liệu quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm đ (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải

dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tài liệu quy định tại Điểm b phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.3.2. Số bộ hồ sơ: 01 bộ

14.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cơ quan cấp Giấy phép.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hồ sơ cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

14.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

14.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện.

14.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

STT	Biểu mẫu	Ký hiệu
1	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (<i>cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP</i>)	Mẫu MĐ-1
2	Đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Mẫu MĐ-3
3	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Mẫu MĐ-4

14.10. Yêu cầu, điều kiện: Không có.

14.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Số tài Khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-.....

-.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

.....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

¹ Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

² Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

³ Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có).....

Đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../

⁶Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung Điều chỉnh:

Lý do Điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁶ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

⁷Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời Điểm gia hạn:... người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

⁷ Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

15. Lấy ý kiến về dự thảo Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm phê duyệt của Bộ Công Thương

15.1. Trình tự thực hiện:

Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước thủy điện các đơn vị trình.

Trong quá trình thẩm định Sở Công thương tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan.

15.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Hệ thống xác thực tập trung SSO*); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ lấy ý kiến quy trình vận hành hồ chứa nước thủy điện gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước;
- Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước;
- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;
- Bản đồ hiện trạng công trình;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo.

b) Số bộ hồ sơ: 1 bộ hồ sơ.

15.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan

15.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

15.7. Kết quả thực hiện TTHC:

- Ý kiến tham gia dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước

15.8. Phí, lệ phí: Không quy định

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

15.10. Yêu cầu, điều kiện: Đảm bảo phù hợp với các quy định tại Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 8 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương.

15.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước
- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 8 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập và hồ chứa

16. Lấy ý kiến về dự thảo Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm phê duyệt của Bộ Công Thương.

16.1. Trình tự thực hiện:

Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện các đơn vị trình.

Trong quá trình thẩm định Sở Công thương tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan.

16.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Hệ thống xác thực tập trung SSO*); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ:*

Hồ sơ lấy ý kiến gồm:

Phương án bảo vệ đập, hồ chứa ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

b) *Số bộ hồ sơ:* 1 bộ hồ sơ.

16.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan

16.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

16.7. Kết quả thực hiện TTHC:

- Ý kiến tham gia dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước

16.8. Phí, lệ phí: Không quy định

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

16.10. Yêu cầu, điều kiện: Đảm bảo phù hợp với các quy định tại Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 8 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương.

16.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước
- Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 8 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập và hồ chứa

17. Cấp tài khoản, phân quyền tài khoản sử dụng CSDL môi trường ngành Công Thương

17.1. Trình tự thực hiện:

- Các doanh nghiệp (không phải là thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty) gửi Văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp (theo mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT) về Sở Công Thương.

- Căn cứ văn bản đề nghị của các doanh nghiệp (thuộc đối tượng quản lý), Sở Công Thương rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp tài khoản truy cập.

* *Ghi chú: Trường hợp các doanh nghiệp có các thay đổi sau: thay đổi số lượng tài khoản doanh nghiệp quản lý; chấm dứt tài khoản truy cập do doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giảm quy mô, công suất đến mức không thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT; Đăng ký bổ sung tài khoản do phát sinh thêm số lượng doanh nghiệp truy cập cơ sở dữ liệu môi trường thì thực hiện theo khoản 1 điều 4 Thông tư số 42/2020/TT-BCT.*

17.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Sở Công Thương.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp và thông tin doanh nghiệp (theo mẫu 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT).

b) *Số bộ hồ sơ:* 2 bộ hồ sơ.

17.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương, đơn vị liên quan.

17.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

17.7. Kết quả thực hiện TTHC:

- Danh sách tài khoản được cấp.

17.8. Phí, lệ phí: Không quy định

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 Phụ lục II Thông tư số 42/2020/TT-BCT.

17.10. Yêu cầu, điều kiện: Đảm bảo phù hợp với các quy định tại Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020.

17.11. Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

Mẫu 01: Văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

V/v Đề nghị cấp tài khoản
truy cập cơ sở dữ liệu môi
trường ngành Công
Thương

(Địa danh), ngàytháng....năm

Kính gửi: Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty)

Thực hiện Thông tư số .../2020/TT-BCT ngày ...tháng ...năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và xác định (1) thuộc danh mục đối tượng phải (hoặc đối tượng khuyến khích) khai báo cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương (Thông tin kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số/2020/TT-BCT, (1) đề nghị Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty) tổng hợp danh sách gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp tài khoản truy cập./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
...	Công ty ...						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau)						

	và không thể khai báo chung một tài khoản)						

Ghi chú: (1) tên doanh nghiệp; (2) người đại diện pháp luật của (1).

18. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân” (NNND), “Nghệ nhân Ưu tú” (NNUYT) trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

18.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ (viết tắt là Nghị định số 43/2024/NĐ-CP), tự mình hoặc ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật cho cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” đến Sở Công Thương nơi cá nhân đề nghị xét tặng. - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân hoàn thiện và nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận. - Các cơ quan chuyên môn đề nghị thành lập các Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ theo từng lần xét tặng, gồm: Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Hội đồng cấp tỉnh), Hội đồng chuyên ngành cấp bộ, Hội đồng cấp Nhà nước.

* Trình tự xét tặng tại Hội đồng cấp tỉnh:

- Công khai danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Báo, Cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh truyền hình...), thời gian ít nhất 15 ngày trước khi họp Hội đồng;

- Tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn:

+ Thẩm định nội dung các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định số 43/2024/NĐ-CP;

+ Tổ chức đánh giá thực tế cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” tại cơ sở sản xuất;

+ Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trình Hội đồng chuyên ngành cấp bộ;

+ Thông báo công khai kết quả xét chọn trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Báo, Cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh truyền hình...), thời gian ít nhất 15 ngày;

+ Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng cấp tỉnh cùng với 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP kèm tệp tin điện tử của hồ sơ (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước) đến Hội đồng chuyên ngành cấp bộ

theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

+ Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

18.2. Cách thức thực hiện: *Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.*

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo Mẫu số 01 và Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo.

- Có một trong các tài liệu chứng minh những đóng góp đối với việc giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề: Bảng hoặc đĩa hình hoặc ảnh mô tả các kỹ năng, kỹ xảo đang nắm giữ hoặc bản chứng thực trong trường hợp cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, bản photocopy (có bản gốc để đối chiếu) trong trường hợp cá nhân nộp trực tiếp giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng, Bằng khen hoặc các tài liệu khác liên quan.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ

18.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 90 ngày

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là người Việt Nam cư trú trên địa bàn thành phố Huế, làm việc trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ

18.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng xét tặng cấp thành phố

18.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thông báo kết quả xét chọn đến cá nhân của Hội đồng xét tặng cấp thành phố

18.8. Phí, lệ phí: Không có

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”

18.10. Yêu cầu, điều kiện:

*** Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”**

Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước.

4. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Sau khi đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”, Nghệ nhân phải trực tiếp thiết kế, chế tác được 02 sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao, đạt một trong các tiêu chí: Đạt giải nhì trở lên các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi cả nước; được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ;

b) Trường hợp “Nghệ nhân ưu tú” trên 70 tuổi, không đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản này thì phải đạt một trong các tiêu chuẩn: Là người dân tộc thiểu số (hiện đang làm nghề và sinh sống ổn định tại vùng dân tộc thiểu số từ 05 năm trở lên); có 02 sản phẩm, tác phẩm trở lên được chọn làm tặng phẩm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước tặng khách cấp cao nước ngoài theo quy định về nghi lễ đối ngoại; được bảo tàng cấp quốc gia lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình biểu trưng văn hóa) cấp quốc gia.

5. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước; nắm giữ kỹ năng, bí quyết nghề, truyền dạy nghề cho từ 150 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 20 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất hoặc từ 1 cá nhân trở lên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

*** Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”**

Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng dồn từ 15 năm trở lên.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương.

4. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Trực tiếp thiết kế, chế tác được ít nhất 10 tác phẩm, sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao;

b) Đã có sản phẩm, tác phẩm đạt một trong các tiêu chí: Đạt từ giải nhì trở lên trong các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức phạm vi cấp tỉnh hoặc giải ba trở lên trong phạm vi cả nước; được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; được bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình biểu trưng văn hóa) cấp tỉnh, cấp quốc gia.

5. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương; nắm giữ kỹ năng, bí quyết, truyền dạy nghề cho từ 100 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 15 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất.

18.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ

19. Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

19.1. Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tham vấn, Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và có trách nhiệm trả lời đề nghị tham vấn của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

19.2. Cách thức thực hiện: *Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.*

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

19.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Công văn tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Mẫu số 07 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

b) Dự thảo Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

19.3.2. Số bộ hồ sơ: 01 bộ

19.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản văn bản đề nghị tham vấn.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

19.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

19.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản nêu rõ ý kiến về Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

19.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Công văn tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung Mẫu số 07

19.10 Yêu cầu, điều kiện: không

19.11 Căn cứ pháp lý: Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CHỦ QUẢN (1)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(3)...-...(4)...
V/v tham vấn về hợp đồng theo
mẫu, điều kiện giao dịch chung

.....(5), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(6)

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số.....ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, ...(2) tham vấn ý kiến của ...(6) liên quan đến hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về các nội dung sau:

... (7)

Đề nghị ...(6) gửi ý kiến trả lời nội dung tham vấn trước ngày ... về ..(2) theo địa chỉ: ...

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT, ...(8)..(9).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

20. Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng.

20.1. Trình tự thực hiện:

Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho giai đoạn từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.

20.2. Cách thức thực hiện: *Trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống xác thực tập trung (SSO)); trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.*

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

20.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn thành phố cho giai đoạn từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

20.3.2. Số bộ hồ sơ: 01 bộ

20.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: không.

20.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban cạnh tranh quốc gia – Bộ Công Thương

20.7. Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn thành phố.

20.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn thành phố (Mẫu số 06)

20.10 Yêu cầu, điều kiện: không

20.11 Căn cứ pháp lý: Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG

1. Về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc phạm vi phải đăng ký theo Quyết định số... ngày...tháng...năm... của Thủ tướng Chính phủ

1.1. Về chấp hành trách nhiệm đăng ký của tổ chức, cá nhân kinh doanh

- Tổng hợp số liệu về số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương có sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (HĐTM, ĐKGDC) thuộc phạm vi phải đăng ký.

- Thực trạng chấp hành trách nhiệm đăng ký của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

1.2. Về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký HĐTM, ĐKGDC

- Tổng hợp số liệu tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký.

- Thời gian phê duyệt hồ sơ đăng ký, số hồ sơ phê duyệt đúng thời hạn; trước thời hạn; quá thời hạn.

- Phạm vi, nội dung kiểm soát.

- Hình thức trả lời kết quả đăng ký (mỗi lĩnh vực kèm theo 02 mẫu thông báo (thông báo về việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký; thông báo về việc kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký) đính kèm hồ sơ HĐTM, ĐKGDC).

- Công bố công khai và lưu trữ trên cổng thông tin điện tử địa phương.

1.3. Về xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng liên quan đến HĐTM, ĐKGDC (nếu có)

- Số lượng kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

- Lĩnh vực và nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại phổ biến.

- Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

1.4. Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến HĐTM, ĐKGDC

- Số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra; lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.

- Các vi phạm chủ yếu.
- Kết quả xử lý vi phạm.

2. Về kiểm soát HĐTM, ĐKGDC không thuộc phạm vi phải đăng ký theo quy định tại Điều ... Nghị định số... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.1. Về chấp hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD) về HĐTM, ĐKGDC của tổ chức, cá nhân kinh doanh

- Tổng hợp số liệu về số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương có sử dụng HĐTM, ĐKGDC.
- Thực trạng chấp hành pháp luật BVQLNTD về HĐTM, ĐKGDC của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

2.2. Về xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến HĐTM, ĐKGDC (nếu có)

- Số lượng kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.
- Lĩnh vực và nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại phổ biến.
- Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

2.3. Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến HĐTM, ĐKGDC

- Số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra; lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.
- Các vi phạm chủ yếu.
- Kết quả xử lý vi phạm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HĐTM, ĐKGDC

1. Thuận lợi.

2. Khó khăn và nguyên nhân.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đối với trung ương.
- Đối với địa phương (bao gồm cả các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).
- Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh.
- Đối với người tiêu dùng.